



Vietnam Auditing
and Valuation
Company Limited



CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ THĂNG LONG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ THĂNG LONG

Thôn Trung, Xã Liên Trung, Huyện Đan Phượng,
Thành phố Hà Nội

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02-03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04-05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	06-07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	09-10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	11-39

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ THĂNG LONG

Thôn Trung, Xã Liên Trung, Huyện Đan Phượng,
Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Thăng Long (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn An Ngọc	Chủ tịch	
Ông Nguyễn An Quân	Thành viên	
Bà Nguyễn An Bích	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 10/5/2017
Ông Trần Trọng Sinh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 10/5/2017
Ông Trần Thị Thành	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 10/5/2017
Ông Phạm Văn Cường	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 10/5/2017
Ông Phạm Văn Tuyền	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 15/4/2017
Ông Nguyễn Thanh Hải	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 10/5/2017

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn An Quân	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Văn Tuyền	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Bà Lê Thị Huyền Thanh	Trưởng ban
Ông Trần Đức Mưu	Thành viên
Bà Lê Thị Ánh	Thành viên

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ THĂNG LONG

Thôn Trung, Xã Liên Trung, Huyện Đan Phượng,
Thành phố Hà Nội

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn An Quân
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2018

CHỖ CHỮ KÝ



Số: 359/BCKT/TC/VN8

Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam

Địa chỉ: Tầng 14 Tòa nhà Sudico, đường Mỹ Đình

P. Mỹ Đình 1, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam

Tel: (+84 24) 3868 9566 / (+84 24) 3868 9588

Fax: (+84 24) 3868 6248

Web: kiemtoanava.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Thăng Long

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Thăng Long (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 10 tháng 02 năm 2018, từ trang 06 đến trang 39, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Thăng Long tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam



Ngô Quang Tiến

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 0448-2018-126-1

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2018

Nguyễn Bảo Trung

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 0373-2018-126-1

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ THĂNG LONG

Thôn Trung, Xã Liên Trung, Huyện Đan Phượng,
Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		165.407.759.458	80.628.727.502
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	23.514.302.435	8.073.518.269
1. Tiền	111		23.514.302.435	8.073.518.269
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		84.053.697.668	53.854.534.243
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	45.653.620.607	36.865.520.682
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	26.385.633.152	11.211.548.859
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	12.014.443.909	5.777.464.702
IV. Hàng tồn kho	140	10	57.064.830.027	18.646.947.718
1. Hàng tồn kho	141		57.064.830.027	18.646.947.718
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		774.929.328	53.727.272
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13	23.952.708	53.727.272
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		682.255.120	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	68.721.500	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		128.713.135.224	70.471.672.391
II. Tài sản cố định	220		105.927.375.629	11.871.580.059
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	105.927.375.629	11.871.580.059
- Nguyên giá	222		125.401.309.587	22.949.395.464
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(19.473.933.958)	(11.077.815.405)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	11	6.592.930.000	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		6.592.930.000	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	6	9.047.725.411	58.500.000.000
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		9.047.725.411	58.500.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		7.145.104.184	100.092.332
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	7.145.104.184	100.092.332
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		294.120.894.682	151.100.399.893

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

MÃ SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		93.497.628.524	55.980.841.803
I. Nợ ngắn hạn	310		83.640.317.678	54.772.508.465
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	35.234.526.212	22.065.886.404
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	15	21.797.557.000	20.046.212.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	3.788.252.318	1.909.497.191
4. Phải trả ngắn hạn khác	319		51.158.464	15.819.620
5. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	17	22.635.877.184	10.500.000.000
6. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		132.946.500	235.093.250
II. Nợ dài hạn	330		9.857.310.846	1.208.333.338
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	17	9.857.310.846	1.208.333.338
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		200.623.266.158	95.119.558.090
I. Vốn chủ sở hữu	410	18	200.623.266.158	95.119.558.090
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		180.000.000.000	95.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		180.000.000.000	95.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		9.000.000	9.000.000
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		16.497.990.845	110.558.090
- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		110.558.090	(6.725.064.434)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		16.387.432.755	6.835.622.524
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		4.116.275.313	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)	440		294.120.894.682	151.100.399.893

Trần Thị Nga

Trần Thị Nga
Người lập

Trần Thị Nga

Trần Thị Nga
Kế toán trưởng



Nguyễn An Quân

Nguyễn An Quân
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

MẪU SỐ B 02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	164.779.290.334	70.163.074.555
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	20	27.233.436	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		164.752.056.898	70.163.074.555
4. Giá vốn hàng bán	11	21	139.726.234.540	60.721.216.738
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		25.025.822.358	9.441.857.817
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	2.227.788.002	1.516.220.743
7. Chi phí tài chính	22	23	3.287.982.046	1.099.720.159
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.287.982.046	1.099.720.159
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		47.725.411	-
9. Chi phí bán hàng	25		-	-
10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	4.781.930.060	2.300.184.378
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-(25+26))	30		19.231.423.665	7.558.174.023
12. Thu nhập khác	31		377.568.348	1.019.366.131
13. Chi phí khác	32		262.990.021	901.214
14. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		114.578.327	1.018.464.917
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		19.346.001.992	8.576.638.940
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	25	2.837.542.113	1.741.016.416
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		16.508.459.879	6.835.622.524
19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		16.387.432.755	6.835.622.524
20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát	62		121.027.124	-
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	26	935	720


Trần Thị Nga
Người lập


Trần Thị Nga
Kế toán trưởng



Nguyễn An Quân
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

(Theo phương pháp gián tiếp)

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	<i>01</i>		<i>19.346.001.992</i>	<i>8.576.638.940</i>
5. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		8.330.222.572	1.547.312.772
- Các khoản dự phòng	03		(102.146.750)	(581.155.900)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.282.333.457)	(1.519.337.724)
- Chi phí lãi vay	06		3.287.982.046	1.099.720.159
<i>13 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	<i>08</i>		<i>28.579.726.403</i>	<i>9.123.178.247</i>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(16.466.832.500)	1.452.716.512
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(38.417.882.309)	(7.245.629.976)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		15.815.928.933	37.665.208.642
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(7.015.237.288)	(17.764.052)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(3.287.982.046)	(1.099.720.159)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.819.392.267)	(16.500.000)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		5.072.564.691	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(4.864.367.600)	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>20</i>		<i>(22.403.473.983)</i>	<i>39.861.489.214</i>
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(10.042.930.000)	(3.564.685.455)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		54.545.455	1.325.500.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(18.030.000.000)	(8.125.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		33.030.000.000	16.155.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(43.500.000.000)
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.227.788.002	1.516.220.743
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>		<i>7.239.403.457</i>	<i>(36.192.964.712)</i>
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		9.820.000.000	-
2. Tiền thu từ đi vay	33		52.343.965.240	17.329.235.000
3. Tiền trả nợ gốc vay	34		(31.559.110.548)	(15.090.130.292)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>30.604.854.692</i>	<i>2.239.104.708</i>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ THĂNG LONGThôn Trung, Xã Liên Trung, Huyện Đan Phượng,
Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

(Theo phương pháp gián tiếp)

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50		15.440.784.166	5.907.629.210
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		8.073.518.269	2.165.889.059
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	5	<u>23.514.302.435</u>	<u>8.073.518.269</u>

Trần Thị Nga
Người lậpTrần Thị Nga
Kế toán trưởngNguyễn An Quân
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Thăng Long (tên viết tắt THANGLONG DECO., JSC) tiền thân là Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Ngọc Hà, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0302000049 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Tây cấp ngày 21 tháng 09 năm 2000. Công ty chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Ngọc Hà theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103037857 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27 tháng 05 năm 2009. Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Ngọc Hà được đổi tên thành Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Thăng Long theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0500383583 đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 09 tháng 12 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ năm ngày 23 tháng 02 năm 2017.

Trụ sở của Công ty được đặt tại: Thôn Trung, Xã Liên Trung, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 180.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 180.000.000.000 đồng; tương đương 18.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh các lĩnh vực thương mại, dịch vụ, xây lắp và sản xuất công nghiệp nhẹ.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Lắp đặt hệ thống điện;
- Dịch vụ chăm sóc duy trì cảnh quan (Chi tiết: trồng cây, chăm sóc và duy trì Công viên và vườn cho: Nhà riêng và công cộng, Công trình công cộng hoặc bán công cộng (trường học, bệnh viện, cơ quan hành chính, nhà thờ,...), Khu đất đô thị (công viên, khu vực cây xanh, nghĩa trang,...), cây trên trục cao tốc (đường bộ, đường tàu hỏa, xe điện, cảng), tòa nhà công nghiệp và thương mại; Trồng cây xanh cho: các tòa nhà (vườn trên nóc, vườn mặt trước, vườn trong nhà), sân thể thao, sân chơi và công viên giải trí khác (sân thể thao, sân chơi, bãi cỏ phơi nắng, sân golf), nước theo luống và nước tĩnh (bồn, vùng nước đối lưu, ao, bể bơi, mương, sông, suối, hệ thống cây xanh trên vùng nước thải), trồng cây để chống lại tiếng ồn, gió, sự ăn mòn, chói sáng);
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác (Chi tiết: Lắp đặt hệ thống thiết bị công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng: Thang máy, cầu thang tự động, các loại cửa tự động, hệ thống đèn chiếu sáng, hệ thống hút bụi, hệ thống âm thanh, hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí);
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kịnh doanh (trừ mặt hàng Nhà nước cấm);
- Khách sạn;
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu: Hoạt động của các khu giải trí, bãi biển; Hoạt động hội chợ và trưng bày các đồ trang trí mang tính chất giải trí tự nhiên;
- Kinh doanh lữ hành;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Cho thuê máy móc, thiết bị, đồ dùng hữu hình khác;

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ THĂNG LONGThôn Trung, Xã Liên Trung, Huyện Đan Phượng,
Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là (tiếp theo):

- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Công trình điện, công trình bưu chính viễn thông, công trình thể thao ngoài trời, hạ tầng kỹ thuật đô thị;
- Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;
- Lập dự án đầu tư xây dựng công trình;
- Bán lẻ hoa và cây cảnh;
- Mua bán đồ thanh lý;
- Mua bán điện nông thôn;
- Dịch vụ bốc, dỡ hàng hóa;
- Dịch vụ vận tải hàng hóa đường thủy;
- Dịch vụ vận tải hàng hóa đường bộ bằng ô tô;
- Dịch vụ trang trí nội, ngoại thất;
- Nhập khẩu gỗ, chế biến nông sản, lâm sản (trừ các loại Nhà nước cấm);
- Mua bán xăng dầu và bếp ga;
- Khai thác, mua bán đá, cát, sỏi;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Mua bán vật liệu xây dựng;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Sản xuất vật liệu xây dựng;
- Dịch vụ phá, dỡ công trình;
- Xây dựng đường dây và trạm biến áp đến 35KV;
- Xây dựng, tu bổ và tôn tạo các di tích lịch sử, văn hóa, hệ thống cấp thoát nước;
- Xây dựng cơ sở hạ tầng;
- Xây dựng các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi. San lấp mặt bằng;
- Kinh doanh bất động sản.

Cấu trúc Tập đoàn**Tổng số công ty con:**

- Số lượng công ty con được hợp nhất: 02 Công ty
- Số lượng công ty con không được hợp nhất: 0 Công ty

Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2017 bao gồm:

<u>Tên công ty</u>	<u>Trụ sở chính</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty CP Xây dựng Thương mại và Sản xuất Ván ép Thăng Long	Hà Nội	98,57%	98,57%	Sản xuất, kinh doanh gỗ, ván bóc
Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Chế biến Lâm sản Thăng Long	Hà Nội	90,63%	90,63%	Sản xuất, kinh doanh gỗ, ván bóc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ THĂNG LONGThôn Trung, Xã Liên Trung, Huyện Đan Phượng,
Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Công ty có các công ty liên kết được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2017 bao gồm:

<u>Tên công ty</u>	<u>Trụ sở chính</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty CP Xây dựng và Thương mại Hưng Thịnh	Hà Nội	45,00%	45,00%	Sản xuất, kinh doanh gỗ, ván bóc

2 . KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỷ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

3 . CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

4 . TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

11/21/2017 10:10:10

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ THĂNG LONG

Thôn Trung, Xã Liên Trung, Huyện Đan Phượng,
Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là XX năm (theo VAS11- Hợp nhất kinh doanh, thời gian hữu dụng ước tính tối đa không quá 10 năm).

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản có khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Bất lợi thể thương mại

Bất lợi thương mại là phần phụ trội lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng đánh giá được của công ty con, công ty liên kết, và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát tại ngày phát sinh nghiệp vụ mua công ty so với giá phí hợp nhất kinh doanh. Bất lợi kinh doanh được hạch toán ngay vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm phát sinh.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản trong đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuế tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi góp vốn hoặc nhận góp vốn là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

11/21/01 = 2.240.1/11

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ:

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính cụ thể như sau:

- | | |
|-----------------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 06 - 25 năm |
| - Máy móc, thiết bị | 05 - 10 năm |
| - Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 - 08 năm |

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Vay và nợ phải trả thuế tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuế tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuế tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuế.

Các khoản vay và nợ phải trả thuế tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuế tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giám sát về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở năm trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở năm báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm.

HÀ NỘI

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Doanh thu***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày lập Báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.
- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

17
1
H
Á
H
1
1
1
1

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ THĂNG LONG

Thôn Trung, Xã Liên Trung, Huyện Đan Phượng,
Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm

Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

5 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	5.018.313.719	1.037.298.643
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	18.495.988.716	7.036.219.626
	23.514.302.435	8.073.518.269

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ THĂNG LONGThôn Trung, Xã Liên Trung, Huyện Đan Phượng,
Thành phố Hà NộiBáo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***6 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH****Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	31/12/2017		01/01/2017			
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	9.047.725.411	9.047.725.411	-	58.500.000.000	58.500.000.000	-
Công ty CP Xây dựng và Thương mại Hưng Thịnh	9.047.725.411	9.047.725.411	-	9.000.000.000	9.000.000.000	-
Công ty CP Xây dựng Thương mại và Sản xuất Ván ép Thăng Long	-	-	-	34.500.000.000	34.500.000.000	-
Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Chế biến Lâm sản Thăng Long	-	-	-	15.000.000.000	15.000.000.000	-
	9.047.725.411	9.047.725.411	-	58.500.000.000	58.500.000.000	-

Trong 06 tháng đầu năm 2017, Công ty đã hoàn thành việc tăng vốn điều lệ từ 95 tỷ đồng lên 180 tỷ đồng. Một phần vốn điều lệ đã được các cổ đông hiện hữu góp bằng cổ phần tại Công ty CP Xây dựng Thương mại và Sản xuất ván ép Thăng Long và Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Chế biến Lâm sản Thăng Long. Chi tiết như sau:

- Số lượng cổ phần nhận thêm tại Công ty CP Xây dựng Thương mại và Sản xuất ván ép Thăng Long là 3.450.000 cổ phần (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần). Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết tăng từ 49% lên 98,57%.
- Số lượng cổ phần nhận thêm tại Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Chế biến Lâm sản Thăng Long là 140.000 cổ phần (mệnh giá 100.000 đồng/cổ phần). Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết tăng từ 46,88% lên 90,63%.

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và công ty liên doanh, liên kết trong năm: xem chi tiết tại Thuyết minh số 30.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ THĂNG LONGThôn Trung, Xã Liên Trung, Huyện Đan Phượng,
Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

7 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Công ty CP Tư vấn Đầu tư Thương mại Dịch vụ Quang Minh	4.691.120.000	11.039.820.000
Công ty TNHH Một thành viên Xuất nhập khẩu Vietwoodee	-	10.208.440.000
Công ty CP Xây dựng và Thương mại Hưng Thịnh	4.213.737.850	2.310.045.350
Công ty CP Kinh doanh và Sản xuất Ván ép Trống Đồng	2.711.960.000	-
Công ty CP Cơ khí và Xây dựng Bắc Bộ	6.018.797.500	955.805.000
Công ty CP Nông sản Thực phẩm Hồng Hà	7.499.264.000	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	20.518.741.257	12.351.410.332
	45.653.620.607	36.865.520.682
Phải thu khách hàng là các bên liên quan <i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 30.)</i>	4.213.737.850	2.310.045.350

8 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP Xây dựng Vận tải và Thương mại Công Huy	1.845.029.559	-	2.311.548.859	-
Các hộ dân cung cấp gỗ	19.283.357.750	-	7.850.000.000	-
Đội thi công Ông Nguyễn Văn Lệ	3.000.000.000	-	-	-
Công ty TNHH MTV TL Trung Việt	1.376.040.800	-	-	-
Trả trước khác	881.205.043	-	1.050.000.000	-
	26.385.633.152	-	11.211.548.859	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ THĂNG LONGThôn Trung, Xã Liên Trung, Huyện Đan Phượng,
Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

9 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu BHTN	-	-	1.434.000	-
Tạm ứng	7.500.000.000	-	1.000.000.000	-
Ký cược, ký quỹ	4.514.359.165	-	4.722.556.256	-
Phải thu khác	84.744	-	53.474.446	-
	12.014.443.909	-	5.777.464.702	-

10 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	20.754.867.493	-	5.965.336.948	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	14.357.330.841	-	8.877.572.808	-
Thành phẩm	7.530.310.052	-	251.491.510	-
Hàng hoá	14.422.321.641	-	3.552.546.452	-
	57.064.830.027	-	18.646.947.718	-

11 . TÀI SẢN DỒ DANG DÀI HẠN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	6.592.930.000	-
Nhà xưởng 22-24 Làng nghề Hồ Điền	6.592.930.000	-
	6.592.930.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ THẮNG LONG

Thôn Trung, Xã Liên Trung, Huyện Đan Phượng,
Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MÃU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

12 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Tài sản cố định khác		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá												
Tại ngày 01/01/2017	10.252.181.286	5.965.583.161	6.731.631.017	-	-	-	-	-	-	-	22.949.395.464	
Mua sắm	-	4.050.000.000	-	-	-	-	-	-	-	-	4.050.000.000	
Nhận góp vốn (*)	16.137.000.000	10.228.000.000	315.000.000	-	-	-	-	-	-	-	26.680.000.000	
Tặng do hợp nhất kinh doanh	40.888.873.212	30.336.986.364	2.092.454.547	-	-	-	-	-	-	-	73.318.314.123	
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.596.400.000)	-	-	-	-	-	-	-	(1.596.400.000)	
Tại ngày 31/12/2017	67.278.054.498	50.580.569.525	7.542.685.564	-	-	-	-	-	-	-	125.401.309.587	
Giá trị hao mòn lũy kế												
Tại ngày 01/01/2017	2.049.476.520	5.767.827.392	3.260.511.493	-	-	-	-	-	-	-	11.077.815.405	
Trích khấu hao	2.997.945.697	4.484.516.835	847.760.040	-	-	-	-	-	-	-	8.330.222.572	
Tặng do hợp nhất kinh doanh	437.591.312,00	1.128.496.591,00	96.208.078,00	-	-	-	-	-	-	-	1.662.295.981	
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.596.400.000)	-	-	-	-	-	-	-	(1.596.400.000)	
Tại ngày 31/12/2017	5.485.013.529	11.380.840.818	2.608.079.611	-	-	-	-	-	-	-	19.473.933.958	
Giá trị còn lại												
Tại ngày 01/01/2017	8.202.704.766	197.755.769	3.471.119.524	-	-	-	-	-	-	-	11.871.580.059	
Tại ngày 31/12/2017	61.793.040.969	39.199.728.707	4.934.605.953	-	-	-	-	-	-	-	105.927.375.629	

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 2.332.629.240 đồng
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 8.862.109.474 đồng

(*) Trong 06 tháng đầu năm 2017, Công ty đã hoàn thành thủ tục tăng vốn từ 95 tỷ đồng lên 180 tỷ đồng và thông qua việc góp vốn bằng tài sản của Ông Nguyễn An Quân và Ông Nguyễn An Dũng được xác định theo Chứng thư thẩm định giá số 50A/2017/CTTD-AVALUE/01 ngày 04/01/2017 và 50B/2017/CTTD-AVALUE/01 ngày 05/01/2017 của Công ty Cổ phần Thẩm định giá Avalue Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ THĂNG LONGThôn Trung, Xã Liên Trung, Huyện Đan Phượng,
Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Chi phí trả trước ngắn hạn		
Chi phí mua bảo hiểm	23.952.708	16.227.272
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	-	37.500.000
	23.952.708	53.727.272
b) Chi phí trả trước dài hạn		
Chi phí trước chi phí chuẩn bị sản xuất	6.763.283.336	-
Công cụ dụng cụ xuất dùng	381.820.848	82.289.436
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	-	17.802.896
	7.145.104.184	100.092.332

14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP Xây dựng Thương mại và Sản xuất Ván ép Thăng Long	-	-	10.660.929.500	10.660.929.500
Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Chế biến Lâm sản Thăng Long	-	-	5.364.750.000	5.364.750.000
Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Chế biến Lâm sản An Khang	13.843.358.450	13.843.358.450	-	-
Công ty CP Xây dựng và Thương mại Hưng Thịnh	1.536.102.950	1.536.102.950	441.635.000	441.635.000
Công ty TNHH Thuận Hà	2.618.265.256	2.618.265.256	1.222.165.421	1.222.165.421
Công ty TNHH Thuận Hà	4.160.199.990	4.160.199.990	-	-
Các khoản phải trả khác	13.076.599.566	13.076.599.566	4.376.406.483	4.376.406.483
	35.234.526.212	35.234.526.212	22.065.886.404	22.065.886.404
Phải trả người bán là các bên liên quan	1.536.102.950	1.536.102.950	441.635.000	441.635.000

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 30.)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ THĂNG LONGThôn Trung, Xã Liên Trung, Huyện Đan Phượng,
Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

15 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá quyền sử dụng đất phát triển nghề nông thôn Liên Hà, Liên Trung	20.659.200.000	-
Ban quản lý dự án Công trình nước sạch và vệ sinh nông thôn - Sở Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn Hà Nội	-	1.380.271.000
Ban quản lý dự án Quận Nam Từ Liêm (Trường THCS Đại Mỗ)	-	13.213.803.000
Ban quản lý dự án Đầu tư và Xây dựng - Sở Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn Hà Nội (Công trình hành lang đê Ba Vi)	-	3.000.000.000
Ban quản lý dự án Xây dựng quận Long Biên	1.005.357.000	2.322.638.000
Các đối tượng khác	133.000.000	129.500.000
	<u><u>21.797.557.000</u></u>	<u><u>20.046.212.000</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ THĂNG LONGThôn Trung, Xã Liên Trung, Huyện Đan Phượng,
Thành phố Hà NộiBáo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****MÀU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	90.104.924	2.588.603.570	1.796.719.789	68.721.500	950.710.205	-	-	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	1.819.392.267	2.837.542.113	1.819.392.267	-	2.837.542.113	-	-	-	-
Các loại thuế khác	-	-	6.000.000	6.000.000	-	-	-	-	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	3.853.960	3.853.960	-	-	-	-	-	-
	-	1.909.497.191	5.435.999.643	3.625.966.016	68.721.500	3.788.252.318	-	-	-	-

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÓ THỊ THĂNG LONG

Thôn Trung, Xã Liên Trung, Huyện Đan Phượng,
Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

17 - VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	01/01/2017		Trong năm		31/12/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn						
<i>Vay ngắn hạn</i>						
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - CN Đan Phượng	10.000.000.000	10.000.000.000	36.680.515.240	27.999.342.945	18.681.172.295	18.681.172.295
Ngân hàng TMCP Quân đội ¹ - CN Sơn Tây	10.000.000.000	10.000.000.000	14.330.000.000	14.630.000.000	9.700.000.000	9.700.000.000
<i>Vay và nợ dài hạn đến hạn trả</i>						
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Thủ Đức (2)	500.000.000	500.000.000	7.398.347.270	3.443.642.381	3.954.704.889	3.954.704.889
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Sơn Tây	500.000.000	500.000.000	999.999.992	499.999.992	500.000.000	500.000.000
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Thanh Xuân Hà Nội	-	-	270.000.000	135.000.000	135.000.000	135.000.000
	-	-	6.128.347.278	2.808.642.389	3.319.704.889	3.319.704.889
	10.500.000.000	10.500.000.000	44.078.862.510	31.442.985.326	22.635.877.184	22.635.877.184

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ THĂNG LONGThôn Trung, Xã Liên Trung, Huyện Đan Phượng,
Thành phố Hà NộiBáo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn							
<i>Vay dài hạn</i>	1.708.333.338	1.708.333.338	15.663.450.000	3.559.767.603	13.812.015.735	13.812.015.735	
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Thủ Đức (2)	1.708.333.338	1.708.333.338	-	499.999.992	1.208.333.346	1.208.333.346	
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Thanh Xuân Hà Nội	-	-	495.000.000	135.000.000	360.000.000	360.000.000	
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Sơn Tây	-	-	15.168.450.000	2.924.767.611	12.243.682.389	12.243.682.389	
	<u>1.708.333.338</u>	<u>1.708.333.338</u>	<u>15.663.450.000</u>	<u>3.559.767.603</u>	<u>13.812.015.735</u>	<u>13.812.015.735</u>	
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	500.000.000	500.000.000			3.954.704.889	3.954.704.889	
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	<u>1.208.333.338</u>	<u>1.208.333.338</u>			<u>9.857.310.846</u>	<u>9.857.310.846</u>	

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐỒ THỊ THẮNG LÔNG

Thôn Trung, Xã Liên Trung, Huyện Đan Phượng,
Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MÃU SỐ B 09-DN

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay:

Stt	Tên ngân hàng/ Hợp đồng tín dụng		Hạn mức tín dụng	Mục đích vay	Thời hạn của hợp đồng	Lãi suất cho vay	Dư nợ tại thời điểm 31/12/2017	Nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	Tài sản đảm bảo	Đơn vị tính: đồng
	Vay ngắn hạn	Vay dài hạn								
1	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn- Chi nhánh Đan Phượng	10.000.000.000	Mua các loại nguyên vật liệu và trả công lao động để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.	12 tháng.	Theo từng giấy nhận nợ.	9.700.000.000	9.700.000.000	9.700.000.000	Thế chấp bằng tài sản của bên thứ ba số công chứng 2121/2012/HĐTC và số công chứng 2118/2012/HĐTC ngày 03/10/2012.	
2	Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Sơn Tây	10.000.000.000	Tài trợ vốn lưu động, phát hành bảo lãnh phục vụ hoạt động thi công xây lắp.	09 tháng.	Theo từng giấy nhận nợ.	2.983.393.859	2.983.393.859	2.983.393.859	Quyền đòi nợ phát sinh từ HĐTCXDCT số 22/2016/HĐ-XD ngày 20/09/2016 giữa Ban quản lý dự án Quận Nam Từ Liêm và liên danh Công ty CP Đầu tư xây dựng và Phát triển đô thị Thăng Long; Công ty XD 168 và Công ty TNHH Nam Anh.	
	Hợp đồng hạn mức tín dụng số 83983.16.830.2708421. TD ngày 09/11/2016	6.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động để phục vụ hoạt động kinh doanh gõ ép, gỗ coppha khách hàng.	12 tháng.	Theo từng giấy nhận nợ.	5.997.778.436	5.997.778.436	5.997.778.436		
	Tổng cộng vay ngắn hạn					18.681.172.295	18.681.172.295	18.681.172.295		

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ THĂNG LONG

Thôn Trung, Xã Liên Trung, Huyện Đan Phượng,
Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MÃU SỐ B 09-DN

II	Vay dài hạn								
1	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Thủ Đức								
	Hợp đồng tín dụng số LD1613900028 ngày 18/05/2016.	2.000.000.000	Mua ô tô phục vụ nhu cầu đi lại.	48 tháng.		Theo từng thời kỳ.	1.208.333.346	500.000.000	Ô tô con hiệu Mercedes Benz S400, BKS 30E-966.99.
2	Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Sơn Tây								
	Hợp đồng tín dụng Số 36610.16.830.270.8421.TD	15.000.000.000	Tài trợ bù đắp một phần tiền mua đất và tài trợ đầu tư máy móc thiết bị cho Dự án đầu tư xây dựng chi nhánh tại Bình Phước	60 tháng		Theo từng thời kỳ.	12.243.682.389	3.319.704.889	
3	Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Thanh Xuân Hà Nội								
	Hợp đồng tín dụng Số 143_08.16/HĐTD/TTB MB2	540.000.000	Mua ô tô phục vụ nhu cầu đi lại.	48 tháng.		Theo từng thời kỳ.	360.000.000	135.000.000	
	Tổng cộng vay dài hạn						13.812.015.735	3.954.704.889	
	Tổng cộng vay						32.493.188.030	22.635.877.184	

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ THẮNG LONG

Thôn Trung, Xã Liên Trung, Huyện Đan Phượng,

Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Cộng VND
Năm 2016					
Tại ngày 01/01/2016	95.000.000.000	9.000.000	(6.725.064.434)	-	88.283.935.566
Lãi/lỗ trong năm trước	-	-	6.835.622.524	-	6.835.622.524
Tại ngày 31/12/2016	95.000.000.000	9.000.000	110.558.090	-	95.119.558.090
Năm 2017					
Tại ngày 01/01/2017	95.000.000.000	9.000.000	110.558.090	-	95.119.558.090
Tăng vốn trong năm nay	85.000.000.000	-	-	-	85.000.000.000
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	3.995.248.189	3.995.248.189
Lãi/lỗ trong năm nay	-	-	16.387.432.755	121.027.124	16.508.459.879
Tại ngày 31/12/2017	180.000.000.000	9.000.000	16.497.990.845	4.116.275.313	200.623.266.158

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2017 VND	Tỷ lệ (%)	01/01/2017 VND	Tỷ lệ (%)
Ông Nguyễn An Ngọc	30.000.000.000	16,67%	25.000.000.000	26,32%
Bà Trần Thị Thành	-	0,00%	12.500.000.000	13,16%
Ông Nguyễn An Quân	10.000.000.000	5,56%	2.500.000.000	2,63%
Ông Nguyễn An Bích	-	0,00%	2.500.000.000	2,63%
Ông Trần Trọng Sinh	6.000.000.000	3,33%	2.500.000.000	2,63%
Ông Trần Trọng Cảnh	5.500.000.000	3,06%	10.000.000.000	10,53%
Bà Nguyễn Thị Thanh	1.000.000.000	0,56%	10.500.000.000	11,05%
Vốn góp của các cổ đông khác	127.500.000.000	70,83%	29.500.000.000	31,05%
	180.000.000.000	100%	95.000.000.000	100%



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ THĂNG LONGThôn Trung, Xã Liên Trung, Huyện Đan Phượng,
Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	180.000.000.000	95.000.000.000
- Vốn góp đầu năm	95.000.000.000	95.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	85.000.000.000	-
- Vốn góp cuối năm	180.000.000.000	95.000.000.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2017	01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	18.000.000	9.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	18.000.000	9.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	18.000.000	9.500.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.000.000	9.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	18.000.000	9.500.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	9.000.000	9.000.000
	9.000.000	9.000.000

19 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	43.396.963.276	37.589.729.385
Doanh thu bán thành phẩm	79.459.716.148	10.295.313.864
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.634.000.000	980.645.463
Doanh thu hợp đồng xây dựng	40.288.610.910	19.242.385.843
Doanh thu hợp đồng BBC	-	2.055.000.000
	164.779.290.334	70.163.074.555
Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 30.)	192.000.000	985.593.500

20 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU,

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Giảm giá hàng bán	27.233.436	-
	27.233.436	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ THĂNG LONGThôn Trung, Xã Liên Trung, Huyện Đan Phượng,
Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

21 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	42.748.199.232	32.158.344.416
Giá vốn của thành phẩm đã bán	60.707.951.867	9.681.685.384
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.082.221.459	596.718.235
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	35.187.861.982	18.284.468.703
	139.726.234.540	60.721.216.738

22 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	2.227.788.002	1.516.220.743
	2.227.788.002	1.516.220.743

23 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền vay	3.287.982.046	1.099.720.159
	3.287.982.046	1.099.720.159

24 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	252.167.113	81.531.377
Chi phí nhân công	1.868.685.192	951.637.500
Chi phí khấu hao tài sản cố định	854.098.972	713.275.442
Thuế, phí, lệ phí	10.691.951	3.000.000
Lợi thế thương mại	366.679.999	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	710.048.853	77.490.771
Chi phí khác bằng tiền	719.557.980	473.249.288
	4.781.930.060	2.300.184.378

25 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.837.542.113	1.741.016.416
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	1.819.392.267	94.875.851
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(1.819.392.267)	(16.500.000)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	2.837.542.113	1.819.392.267

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ THĂNG LONGThôn Trung, Xã Liên Trung, Huyện Đan Phượng,
Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

26 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	16.508.459.879	6.835.622.524
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	16.508.459.879	6.835.622.524
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	17.651.218	9.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	935	720

27 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	23.514.302.435	-	8.073.518.269	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	57.668.064.516	-	42.642.985.384	-
	81.182.366.951	-	50.716.503.653	-

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	32.493.188.030	11.708.333.338
Phải trả người bán, phải trả khác	35.285.684.676	22.081.706.024
	67.778.872.706	33.790.039.362

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ THĂNG LONGThôn Trung, Xã Liên Trung, Huyện Đan Phượng,
Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Tại ngày 31/12/2017				
Tiền và các khoản tương đương tiền	23.514.302.435	-	-	23.514.302.435
Phải thu khách hàng, phải thu khác	57.668.064.516	-	-	57.668.064.516
	81.182.366.951	-	-	81.182.366.951
Tại ngày 01/01/2017				
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.073.518.269	-	-	8.073.518.269
Phải thu khách hàng, phải thu khác	42.642.985.384	-	-	42.642.985.384
	50.716.503.653	-	-	50.716.503.653

MỘT SỐ CHỈ SỐ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ THĂNG LONGThôn Trung, Xã Liên Trung, Huyện Đan Phượng,
Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2017				
Vay và nợ	23.344.210.530	9.148.977.500	-	32.493.188.030
Phải trả người bán, phải trả khác	35.285.684.676	-	-	35.285.684.676
	58.629.895.206	9.148.977.500	-	67.778.872.706
Tại ngày 01/01/2017				
Vay và nợ	10.500.000.000	1.208.333.338	-	11.708.333.338
Phải trả người bán, phải trả khác	22.081.706.024	-	-	22.081.706.024
	32.581.706.024	1.208.333.338	-	33.790.039.362

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

28 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

11/01/2018 10:11:11

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ THẮNG LONGThôn Trung, Xã Liên Trung, Huyện Đan Phượng,
Thành phố Hà NộiBáo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****MÃU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***29 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động thương mại		Hoạt động sản xuất		Hoạt động xây lắp		Các hoạt động khác		Tổng cộng các bộ phận		Tổng cộng toàn doanh nghiệp	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng hóa	43.369.729.840	79.459.716.148	40.288.610.910	1.634.000.000	164.752.056.898						164.752.056.898	
Chi phí bộ phận trực tiếp	42.748.199.232	60.707.951.867	35.187.861.982	1.082.221.459	139.726.234.540						139.726.234.540	
Chi phí không phân bổ	-	-	-	-	-						-	
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	621.530.608	18.751.764.281	5.100.748.928	551.778.541	25.025.822.358						25.025.822.358	
Tài sản bộ phận	14.422.321.641	7.530.310.052	14.357.330.841	-	36.309.962.534						36.309.962.534	
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	257.810.932.148						257.810.932.148	
Tổng tài sản	14.422.321.641	7.530.310.052	14.357.330.841	-	294.120.894.682						294.120.894.682	
Nợ phải trả bộ phận	-	21.943.682.389	2.983.393.859	-	24.927.076.248						24.927.076.248	
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	68.570.552.276						68.570.552.276	
Tổng nợ phải trả	-	21.943.682.389	2.983.393.859	-	93.497.628.524						93.497.628.524	

Theo khu vực địa lý

Hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ THĂNG LONGThôn Trung, Xã Liên Trung, Huyện Đan Phượng,
Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

30 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau: (riêng đối với các khoản vay với các bên liên quan được nêu chi tiết tại thuyết minh số 30.)

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2017	Năm 2016
		VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ			
Công ty CP Xây dựng và Thương mại Hưng Thịnh	Công ty liên kết	9.287.175.000	985.593.500
Mua hàng hóa, dịch vụ			
Công ty CP Xây dựng và Thương mại Hưng Thịnh	Công ty liên kết	3.003.834.500	2.895.900.000
Nhận góp vốn bằng cổ phần Công ty CP Xây dựng Thương mại và Sản xuất Ván ép Thăng Long			
Ông Nguyễn An Ngọc	Chủ tịch HĐQT	30.800.000.000	-
Ông Nguyễn Duy Sơn	Con rể ông Nguyễn An Ngọc	3.200.000.000	-
Bà Nguyễn Thanh Diệp	Con gái ông Nguyễn An Ngọc	500.000.000	-
Nhận góp vốn bằng cổ phần Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Chế biến Lâm sản Thăng Long			
Bà Lê Thị Ánh	Con dâu ông Nguyễn An Ngọc	14.000.000.000	-
Nhận góp vốn bằng tài sản theo chứng thư thẩm định giá			
Ông Nguyễn An Quân	Tổng Giám đốc	12.380.000.000	-
Ông Nguyễn An Dũng	Con trai ông Nguyễn An Ngọc	14.300.000.000	-

Số dư tại ngày kết thúc năm:

	Mối quan hệ	31/12/2017	01/01/2017
		VND	VND
Phải thu khách hàng			
Công ty CP Xây dựng và Thương mại Hưng Thịnh	Công ty liên kết	4.213.737.850	2.310.045.350
Phải trả người bán			
Công ty CP Xây dựng và Thương mại Hưng Thịnh	Công ty liên kết	1.536.102.950	441.635.000

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	363.480.000	393.600.000
Trong đó: Thu nhập của Tổng Giám đốc	104.760.000	115.200.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ THĂNG LONG

Thôn Trung, Xã Liên Trung, Huyện Đan Phượng,
Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

31 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Năm 2017 là năm đầu tiên Công ty lập Báo cáo tài chính hợp nhất do đó số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.



Trần Thị Nga
Người lập



Trần Thị Nga
Kế toán trưởng



Nguyễn An Quân
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2018

